

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số
sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình 1826/TTr-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-HĐND ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan thực hiện thủ tục đất đai và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

b) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Chính phủ nhưng chưa có đất ở, đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, nay có nhu cầu về đất ở, đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh.

c) Cộng đồng dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Hỗ trợ về đất đai phải bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng định mức; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt.

2. Hỗ trợ đất đai được thực hiện theo hình thức xen kẽ hoặc bố trí tập trung ở các dự án bố trí đất ở dựa vào nhu cầu, nguyện vọng của cá nhân được hỗ trợ, ý kiến của cộng đồng dân cư nơi có đất; phù hợp với tình hình thực tế và quỹ đất tại địa phương; phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa gắn với địa bàn sinh sống và hoạt động sản xuất.

3. Trong cùng một thời điểm, trường hợp một đối tượng có nhiều chính sách hỗ trợ từ nhà nước với cùng nội dung thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Hạn mức giao đất:

a) Đối với đất sinh hoạt cộng đồng: Cộng đồng dân tộc thiểu số được bố trí đất sinh hoạt cộng đồng với diện tích tối thiểu từ 100 m² và tối đa không quá 2.000 m².

b) Đối với đất ở: Cá nhân được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai thì hạn mức giao đất tối đa không quá hạn mức giao đất được quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 tháng 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hạn mức giao, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất, diện tích tối thiểu được tách thửa, hợp thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

c) Đối với đất nông nghiệp: Cá nhân được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai thì hạn mức giao đất tối đa không quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai.

d) Đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh: Tùy vào tình hình thực tế, phong tục tập quán và quỹ đất của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho thuê đất cho cá nhân đối với từng trường hợp cụ thể để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Nội dung hỗ trợ:

a) Đối với đất sinh hoạt cộng đồng: Cộng đồng dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng thì được bố trí quỹ đất phù hợp với phong tục, tập quán và văn hóa của từng dân tộc, từng địa phương và được hỗ trợ toàn bộ kinh phí

đo đạc, lập hồ sơ địa chính và các khoản phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

b) Đối với đất ở: Ngoài chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 tháng 2024 của Chính phủ thì cá nhân được hỗ trợ đất ở theo quy định tại Nghị quyết này được hỗ trợ toàn bộ kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính và các khoản phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

c) Đối với đất nông nghiệp: Cá nhân được giao đất nông nghiệp khi thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai theo Nghị quyết này thì được hỗ trợ toàn bộ kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính và các khoản phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

d) Đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh: Ngoài chính sách miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 tháng 2024 của Chính phủ thì cá nhân được hỗ trợ đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất kinh doanh theo quy định tại Nghị quyết này được hỗ trợ toàn bộ kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính và các khoản phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

3. Quỹ đất và điều kiện thực hiện quyền sử dụng đất:

a) Quỹ đất để thực hiện chính sách hỗ trợ được bố trí từ quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai.

b) Điều kiện thực hiện quyền sử dụng đất của cá nhân được giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 48 Luật Đất đai.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành. Riêng các khoản chi phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, các khoản phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được hỗ trợ 100% từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; quy định cụ thể diện tích đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế và quỹ đất của địa phương theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Luật Đất đai; hướng dẫn thủ tục để các địa phương triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ ba mươi thông qua ngày 12 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBTVQH;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ủy ban CTĐB;
- Các Bộ: Tài chính, NN&MT, XD;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ NN&MT;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, NN&MT, XD, KH&CN;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Dũng